

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thực hiện thí điểm thủ tục
biên phòng điện tử cảng biển

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 71/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 50/2008/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển;

Căn cứ Nghị định số 104/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 22/2011/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

Xét đề nghị của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn chi tiết thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển; kiểm tra biên phòng trong và sau khi hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng quy định tại Điều 3 Quyết định số 22/2011/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển (*sau đây viết gọn là Quyết định số 22/2011/QĐ-TTg*);

2. Chủ tàu, người quản lý tàu, người khai thác tàu hoặc người được ủy quyền đăng ký tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển (*sau đây gọi chung là người làm thủ tục*);

3. Tàu, thuyền Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh; Tàu, thuyền, thuyền viên nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng tại các cửa khẩu cảng biển (bao gồm cả các tàu thăm dò, khai thác, dịch vụ dầu khí hoạt động ngoài khơi) do các đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng quy định tại khoản 1 Điều này quản lý.

Thông tư này không áp dụng đối với tàu cá Việt Nam, tàu, thuyền nước ngoài chuyên cảng đi từ các cửa khẩu cảng thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển đến các cửa khẩu cảng chưa thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển; tàu, thuyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ theo quy định của pháp luật; tàu biển chạy bằng năng lượng nguyên tử của nước ngoài; tàu quân sự, tàu thuộc lực lượng Cảnh sát biển nước ngoài đến thăm, sửa chữa, thực hiện các hoạt động khác tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thủ tục biên phòng điện tử cảng biển* là việc đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng và người làm thủ tục khai báo, tiếp nhận, xử lý thông tin và xác báo hoàn thành thủ tục biên phòng cảng biển cho tàu, thuyền, thuyền viên nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng qua cổng thông tin điện tử biên phòng.

2. *Cổng thông tin điện tử biên phòng* là điểm truy cập tập trung, duy nhất trên môi trường mạng, tích hợp các thông tin, các dịch vụ và ứng dụng, phục vụ cho việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển qua mạng internet.

3. *Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử biên phòng cảng biển* là hệ thống thiết bị, phần mềm và cơ sở dữ liệu do Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng quản lý tập trung, thống nhất, sử dụng để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

4. *Khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển* là việc người làm thủ tục khai báo các thông tin cần thiết trên các bản khai của hồ sơ biên phòng điện tử cảng biển để làm thủ tục biên phòng cảng biển cho tàu, thuyền, thuyền viên nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và chuyển cảng qua cổng thông tin điện tử biên phòng.

5. *Xác báo hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển* là việc đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng cảng biển đối với tàu, thuyền, thuyền viên nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng cho người làm thủ tục qua cổng thông tin điện tử biên phòng.

Điều 4. Các mẫu biểu trong hồ sơ biên phòng điện tử cảng biển và các mẫu biểu bổ trợ liên quan

1. Các mẫu biểu trong hồ sơ biên phòng điện tử cảng biển thực hiện theo nội dung Mục 1 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

2. Các mẫu biểu hỗ trợ liên quan đến thủ tục biên phòng điện tử cảng biển thực hiện theo nội dung Mục 2 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Quản lý khai thác, sử dụng thông tin liên quan đến thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

1. Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng thực hiện quản trị, xử lý toàn bộ dữ liệu, thông tin liên quan đến thủ tục biên phòng điện tử cảng biển phục vụ công tác nghiệp vụ của Bộ đội Biên phòng; cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử của Bộ đội Biên phòng cho các đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng nơi thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

2. Thủ tục biên phòng điện tử cảng biển được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ đội Biên phòng;

3. Các đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng nơi thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử của Bộ đội Biên phòng cho người làm thủ tục sau khi tiếp nhận, xem xét, chấp thuận công văn đăng ký tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển của người làm thủ tục; cấp lại tài khoản truy cập trong trường hợp người làm thủ tục không thể đăng nhập Cổng thông tin điện tử của Bộ đội Biên phòng; được truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Bộ đội Biên phòng để tiếp nhận, kiểm tra, xử lý các thông tin khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển và xác báo hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

4. Người làm thủ tục được cấp tài khoản được truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Bộ đội Biên phòng để khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển và trao đổi các thông tin liên quan khác với Biên phòng cửa khẩu cảng; tiếp nhận các thông báo phản hồi của Biên phòng cửa khẩu cảng nơi thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Điều 6. Bảo mật thông tin liên quan đến thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

1. Người làm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển phải chịu trách nhiệm về các thông tin do mình cung cấp trên mạng, phải tự bảo vệ và chịu trách nhiệm về việc sử dụng mật khẩu để truy nhập, khai báo thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

2. Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn mọi dữ liệu, thông tin về thủ tục biên phòng điện tử cảng biển. Việc bảo quản, sao lưu dữ liệu được thực hiện trên máy chủ do Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng quản lý.

3. Các đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng nơi thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển chỉ sử dụng thông tin cá nhân của người làm thủ tục để xác định chính xác danh tính, tư cách pháp nhân của người làm thủ tục phục vụ cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử của Bộ đội Biên phòng và yêu cầu quản lý nghiệp vụ; không được cung cấp, chia sẻ thông tin cá nhân của

người làm thủ tục cho bên thứ ba, trừ trường hợp có sự đồng ý của cá nhân đó hoặc pháp luật có quy định khác;

Các đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng nơi thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển được sử dụng, chia sẻ cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng các thông tin khai báo liên quan đến tàu, thuyền viên, hành khách, hàng hóa của người làm thủ tục để làm thủ tục cho tàu, thuyền Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh; tàu, thuyền, thuyền viên nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng tại cửa khẩu cảng nơi thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Điều 7. Xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi phạm các quy định trong thực hiện khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị đình chỉ việc tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng có hành vi vi phạm các quy định trong thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệnh quản lý bộ đội của Quân đội nhân dân Việt Nam, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương II THỦ TỤC BIÊN PHÒNG ĐIỆN TỬ CẢNG BIỂN

Điều 8. Đăng ký tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

Người làm thủ tục phải đăng ký bằng văn bản tham gia thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển thực hiện theo Mẫu biểu 12 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản đăng ký tham gia, Biên phòng cửa khẩu cảng phải có văn bản trả lời đồng ý hoặc không đồng ý thực hiện theo các Mẫu biểu 13, 14 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

9. Thời hạn thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

1. Chậm nhất 08 giờ trước khi tàu, thuyền dự kiến đến cảng và 02 giờ trước khi tàu, thuyền dự kiến rời cảng, các thông tin liên quan đến tàu, thuyền, thuyền viên nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng; hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu,

quá cảnh, chuyển cảng tại cửa khẩu cảng biển phải được người làm thủ tục khai báo theo mẫu biểu quy định trong hồ sơ thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Thời gian bắt đầu thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển được xác định từ thời điểm hệ thống xử lý dữ liệu điện tử biên phòng tiếp nhận đầy đủ thông tin cần thiết do người làm thủ tục khai báo, gửi đến.

2. Chậm nhất 01 giờ kể từ khi tiếp nhận đầy đủ các thông tin mà người làm thủ tục khai báo trong hồ sơ điện tử gửi tới, Biên phòng cửa khẩu cảng phải xác báo hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển. Thời điểm xác định hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển là thời điểm Biên phòng cửa khẩu cảng gửi xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển cho người làm thủ tục qua cổng thông tin điện tử biên phòng.

Sau khi hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển và thủ tục của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng, tàu, thuyền nhập cảnh, chuyển cảng đến được thực hiện xếp, dỡ hàng hóa và các hoạt động khác theo chương trình, kế hoạch; thuyền viên thuộc tàu, thuyền đó được đi bờ. Việc đi bờ của thuyền viên thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 50/2008/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển.

3. Chậm nhất 02 giờ sau khi tàu, thuyền neo đậu an toàn tại cầu cảng; chậm nhất 04 giờ sau khi tàu, thuyền neo đậu an toàn trên sông, vịnh thuộc vùng nước cảng, người làm thủ tục phải nộp hồ sơ giấy cho Biên phòng cửa khẩu cảng;

Đối với các tàu, thuyền thăm dò, khai thác, dịch vụ dầu khí hoạt động ngoài khơi, chậm nhất 02 giờ kể từ thời điểm từ tàu, thuyền vào đến bờ, người làm thủ tục phải nộp hồ sơ giấy cho Biên phòng cửa khẩu cảng;

4. Trường hợp tàu, thuyền không có thay đổi về hành trình, thuyền bộ, hành khách (nếu có), không vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam, sau khi tàu thuyền rời cảng, chậm nhất 02 giờ đối với tàu, thuyền neo đậu tại cầu cảng, chậm nhất 04 giờ đối với tàu, thuyền neo đậu trên sông, vịnh, người làm thủ tục phải nộp hồ sơ giấy cho Biên phòng cửa khẩu cảng.

5. Đối với tàu, thuyền nước ngoài chuyển cảng đi, chuyển cảng đến giữa các cửa khẩu cảng tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, hồ sơ biên phòng tàu, thuyền chuyển cảng được lập dưới dạng hồ sơ điện tử và chuyển qua hệ thống xử lý dữ liệu thông tin biên phòng điện tử, sau khi hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển cho tàu, thuyền, người làm thủ tục không phải nộp hồ sơ giấy tàu, thuyền chuyển cảng cho Biên phòng cửa khẩu cảng.

Trường hợp tàu, thuyền chuyển cảng có các loại giấy phép do Biên phòng cửa khẩu cảng đi cấp cho tàu, thuyền, thuyền viên, hành khách có giá trị sử dụng tại cảng đến hoặc có văn bản hồ sơ vụ việc liên quan đến tàu, thuyền, thuyền viên, hành khách trên tàu cần bàn giao cho Biên phòng cửa khẩu cảng đến xử lý, thì Biên phòng cửa

khẩu cảng đi phải lập hồ sơ tàu, thuyền chuyển cảng bằng hồ sơ giấy để chuyển theo tàu cho Biên phòng cửa khẩu cảng đến. Tại cửa khẩu cảng đi, chậm nhất 01 giờ trước khi tàu, thuyền rời cảng, người làm thủ tục phải đến trụ sở Biên phòng cửa khẩu cảng để tiếp nhận hồ sơ giấy của tàu, thuyền chuyển cảng, giao cho thuyền trưởng để chuyển cho Biên phòng cửa khẩu cảng đến. Tại cửa khẩu cảng đến, chậm nhất 02 giờ đối với tàu, thuyền neo đậu tại cầu cảng, chậm nhất 04 giờ đối với tàu, thuyền neo đậu trên sông, vịnh, người làm thủ tục phải nộp hồ sơ giấy của tàu, thuyền chuyển cảng cho Biên phòng cửa khẩu cảng đến.

6. Đối với tàu, thuyền nước ngoài chuyển cảng đến từ các cửa khẩu cảng chưa thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển đến các cửa khẩu cảng thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, chậm nhất 02 giờ sau khi tàu, thuyền neo đậu an toàn tại cầu cảng; chậm nhất 04 giờ sau khi tàu, thuyền neo đậu an toàn trên sông, vịnh thuộc vùng nước cảng, người làm thủ tục phải nộp hồ sơ giấy của tàu, thuyền chuyển cảng cho Biên phòng cửa khẩu cảng đến.

Điều 10. Địa điểm thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

1. Trường hợp bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, gián đoạn đường truyền do nhà cung cấp dịch vụ), người làm thủ tục không thể thực hiện khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển qua cổng thông tin điện tử biên phòng thì đến khai báo và tiếp nhận xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển trực tiếp tại trụ sở Biên phòng cửa khẩu cảng;

2. Địa điểm tiếp nhận khai báo và xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển được thực hiện tại trụ sở Biên phòng cửa khẩu cảng.

Điều 11. Khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

1. Khi khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, người làm thủ tục phải sử dụng bản khai điện tử thực hiện theo các Mẫu biểu 1, 2, 3, 4, 5 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này, tại Cổng thông tin điện tử biên phòng; việc khai báo phải đầy đủ, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai báo.

2. Trường hợp nhận được yêu cầu khai báo lại từ Biên phòng cửa khẩu cảng, người làm thủ tục phải thực hiện theo hướng dẫn và sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Biên phòng cửa khẩu cảng.

3. Sau 01 giờ, kể từ thời điểm đã gửi đầy đủ các bản khai điện tử cần khai báo cho Biên phòng cửa khẩu cảng mà chưa nhận được thông tin phản hồi thì người làm thủ tục phải thông báo ngay cho Biên phòng cửa khẩu cảng nơi làm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển để kiểm tra, xử lý.

Điều 12. Tiếp nhận, xử lý thông tin khai báo và thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

1. Thủ tục biên phòng điện tử cảng biển được thực hiện 24 h/24 h trong ngày. Trường hợp bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, gián đoạn đường truyền do nhà cung cấp dịch vụ), Biên phòng cửa khẩu cảng không thể thực hiện thủ tục biên

phòng điện tử cảng biển qua cổng thông tin điện tử biên phòng thì thủ tục biên phòng cho tàu, thuyền, thuyền viên thực hiện theo quy định tại Nghị định số 50/2008/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển.

2. Trên cơ sở kết quả phân tích thông tin của hệ thống xử lý dữ liệu thông tin điện tử biên phòng, kết hợp với các nguồn thông tin khác, Biên phòng cửa khẩu cảng chấp nhận hoặc không chấp nhận thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển cho tàu, thuyền, thuyền viên và phải thông báo ngay cho người làm thủ tục để thực hiện và các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành tại cảng để phối hợp thực hiện.

3. Xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển hoặc thông báo từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển được Biên phòng cửa khẩu cảng gửi qua hệ thống xử lý dữ liệu biên phòng điện tử hoặc bằng văn bản trong trường hợp không tiếp nhận được ở dạng điện tử (văn bản phải có chữ ký, ghi rõ họ, tên người chịu trách nhiệm). Trong thông báo từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển phải nêu rõ lý do và các biện pháp Biên phòng cửa khẩu cảng áp dụng xử lý.

4. Xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, yêu cầu sửa chữa, bổ sung nội dung khai báo thủ tục biên phòng và thông báo từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển thực hiện theo các Mẫu biểu 7, 8, 9, 11 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

5. Tàu, thuyền xuất cảnh, chuyển cảng đi sau khi được xác báo hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, mà có sự thay đổi về hành trình, thuyền bộ, hành khách (nếu có) hoặc vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam phải xử lý thì phải làm lại thủ tục biên phòng.

6. Trường hợp tàu, thuyền có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam; tàu, thuyền có người trốn trên tàu; nội dung thông tin khai báo không đầy đủ, không chính xác, Biên phòng cửa khẩu cảng từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, đồng thời tiến hành thực hiện thủ tục biên phòng cho tàu, thuyền, thuyền viên theo quy định tại Nghị định số 50/2008/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển và kiểm tra trực tiếp tại tàu;

Việc từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển do Chỉ huy trưởng đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng nơi thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển quyết định thực hiện theo Mẫu biểu 15 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Sửa chữa, bổ sung trong khai báo hồ sơ biên phòng điện tử cảng biển

1. Người làm thủ tục được thực hiện sửa chữa, bổ sung nội dung khai báo trên các bản khai hồ sơ biên phòng điện tử cảng biển trong các trường hợp sau:

a) Chậm nhất 01 giờ, kể từ thời điểm đã gửi các bản khai điện tử cho Biên phòng cửa khẩu cảng, người làm thủ tục tự phát hiện những sai sót và đề nghị được sửa chữa, bổ sung nội dung thông tin đã khai báo thực hiện theo Mẫu biểu 10 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này;

b) Sau khi đã khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, vì lý do khách quan mà người làm thủ tục mới cập nhật được những thông tin cần khai báo bổ sung hoặc những thông tin phải khai báo theo quy định, nhưng phát sinh sau thời điểm đã hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển thực hiện theo Mẫu biểu 10 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này;

c) Theo yêu cầu sửa chữa, bổ sung nội dung khai báo thủ tục biên phòng của Biên phòng cửa khẩu cảng.

2. Khi sửa chữa, bổ sung người làm thủ tục thực hiện theo nội dung điểm a, b khoản 1 Điều này và phải nêu rõ lý do sửa chữa, bổ sung.

3. Xử lý hồ sơ sửa chữa, khai bổ sung

a) Biên phòng cửa khẩu cảng quyết định chấp nhận cho phép sửa chữa, khai bổ sung thông qua kiểm tra, xác minh, làm rõ lý do đề nghị sửa chữa, khai bổ sung của người làm thủ tục;

b) Bản khai trước và bản khai bổ sung, sửa chữa được lưu lại trong hệ thống xử lý dữ liệu biên phòng điện tử cảng biển để làm cơ sở cho việc kiểm tra, đối chiếu, xác định tính xác thực trong khai báo hồ sơ thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Chương III

KIỂM TRA BIÊN PHÒNG TRONG VÀ SAU HOÀN THÀNH THỦ TỤC BIÊN PHÒNG ĐIỆN TỬ CẢNG BIỂN

Điều 14. Đối tượng kiểm tra

1. Hồ sơ biên phòng điện tử cảng biển và hồ sơ giấy.
2. Thuyền viên thực tế trên tàu và hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu của thuyền viên.

Điều 15. Hình thức và mức độ kiểm tra

Trong và sau khi hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, Biên phòng cửa khẩu cảng được áp dụng các hình thức và mức độ kiểm tra sau:

1. Kiểm tra hồ sơ biên phòng điện tử cảng biển thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử biên phòng; kiểm tra, đối chiếu thông tin khai báo trong hồ sơ biên phòng điện tử cảng biển với hồ sơ giấy do người làm thủ tục nộp sau khi hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển và hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay hộ

chiếu của thuyền viên thông qua hoạt động đi bờ để phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra đột xuất trực tiếp tại tàu để đối chiếu nội dung đã khai báo trong hồ sơ biên phòng điện tử cảng biển với thực tế hoặc yêu cầu người làm thủ tục xuất trình hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu của thuyền viên sau khi đã hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển để đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của đối tượng kiểm tra biên phòng.

3. Kiểm tra trực tiếp trên tàu khi phát hiện tàu, thuyền, thuyền viên, hành khách (nếu có) có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tàu, thuyền có người trốn trên tàu, thông tin khai báo về tàu, thuyền, thuyền viên, hành khách (nếu có) không đầy đủ, không chính xác để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định hình thức, mức độ kiểm tra

Trên cơ sở kết quả phân tích, đánh giá thông tin khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển của hệ thống xử lý dữ liệu biên phòng điện tử và các nguồn thông tin khác, Chỉ huy trưởng đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng nơi thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển quyết định hình thức, mức độ kiểm tra hoặc thay đổi các hình thức, mức độ kiểm tra thực hiện theo nội dung khoản 2, 3 Điều 15 của Thông tư này.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Các giai đoạn thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

1. Giai đoạn I thực hiện trong 01 năm, kể từ ngày 09/06/2011 (Quyết định số 22/2011/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành):

a) 03 tháng đầu: Tổ chức thông tin tuyên truyền thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cho các tổ chức, cá nhân liên quan tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cảng biển được chọn thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển; xây dựng Cổng thông tin điện tử biên phòng phục vụ thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển; xây dựng và ban hành quy trình thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

b) Các tháng tiếp theo: triển khai đăng ký tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển cho các tổ chức, cá nhân và tổ chức thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển tại 07 đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng quy định tại Điều 3 Quyết định số 22/2011/QĐ-TTg.

2. Giai đoạn II thực hiện trong 01 năm (kể từ khi kết thúc Giai đoạn I):

a) 06 tháng đầu: sơ kết, rút kinh nghiệm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quá trình triển khai thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển trong giai đoạn I;

b) 06 tháng sau: hoàn thiện quy trình để tổng kết thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, phục vụ cho việc triển khai trên toàn bộ hệ thống cửa khẩu cảng biển toàn quốc; báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đề xuất các nội dung triển khai trên toàn bộ hệ thống cửa khẩu cảng biển toàn quốc.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này;

b) Chỉ đạo Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố có đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các ngành chức năng liên quan, tham mưu cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức Hội nghị quán triệt Quyết định số 22 /2011/QĐ-TTg và Thông tư này đến các cấp, các ngành tại địa phương; tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong cộng đồng doanh nghiệp vận tải; các tổ chức, cá nhân liên quan, khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

2. Biên phòng cửa khẩu cảng nơi thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển trong triển khai thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển. Tổ chức tiếp nhận và làm thủ tục đăng ký các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

b) Cung cấp phần mềm, mẫu biểu; hướng dẫn cài đặt, khai báo thông tin cho người làm thủ tục tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

c) Cung cấp, chia sẻ thông tin liên quan đến tàu, thuyền, thuyền viên làm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển cho các cơ quan nhà nước chuyên ngành tại cảng biển để cùng phối hợp thực hiện; tổ chức kết nối đường truyền dữ liệu với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển nơi thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển (nếu có yêu cầu);

3. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển nơi thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

a) Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Biên phòng cửa khẩu cảng trong triển khai thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

b) Cung cấp, chia sẻ thông tin liên quan đến lĩnh vực an ninh, trật tự đối với tàu, thuyền, thuyền viên, hành khách, hàng hóa cho Biên phòng cửa khẩu cảng;


c) Phối hợp với Biên phòng cửa khẩu cảng trong xử lý các vi phạm của tàu, thuyền, thuyền viên, hành khách và các tổ chức, cá nhân khác trong và ngoài nước có liên quan (khi có yêu cầu).

4. Tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

Chấp hành nghiêm các quy định tại Quyết định số 22/2011/QĐ-TTg, các nội dung hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

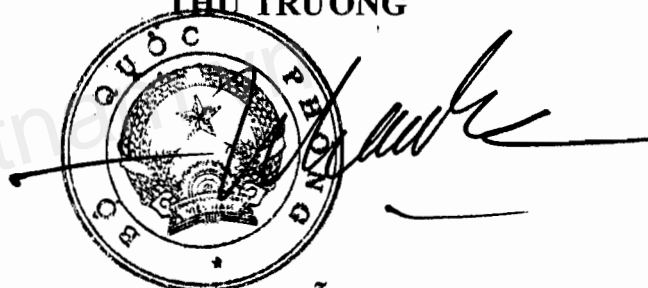
1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Quốc phòng (qua Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng) để xem xét, giải quyết. 

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc Hội;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, Công TTĐT, các Vụ: TH, NC, Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Website Bộ Quốc phòng;
- BTL Bộ đội Biên phòng;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Văn phòng BQP (NCTH, CCHC);
- Lưu: VT. Thành ~~160b~~

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trung tướng Nguyễn Thành Cung

PHỤ LỤC
Các mẫu biểu trong thực hiện thí điểm
thủ tục biên phòng điện tử cảng biển
(Kèm theo Thông tư số 48/2011/TT-BQP
ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)


1. Các mẫu biểu trong hồ sơ thủ tục biên phòng điện tử

- a) Mẫu biểu 1: Bản khai chung;
- b) Mẫu biểu 2: Danh sách thuyền viên;
- c) Mẫu biểu 3: Danh sách hành khách (nếu có);
- d) Mẫu biểu 4: Bản khai hàng hóa nguy hiểm (nếu có);
- e) Mẫu biểu 5 : Bản khai vũ khí, vật liệu nổ (nếu có);
- f) Mẫu biểu 6: Bản khai người trốn trên tàu (nếu có);
- g) Mẫu biểu 7: Xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng đối với tàu, thuyền nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng đến;
- h) Mẫu biểu 8: Xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng đối với tàu, thuyền xuất cảnh, chuyển cảng đi;
- i) Mẫu biểu 9: Yêu cầu sửa chữa, bổ sung nội dung khai báo thủ tục biên phòng;
- k) Mẫu biểu 10: Đề nghị sửa chữa, bổ sung nội dung khai báo thủ tục biên phòng;
- l) Mẫu biểu 11: Thông báo từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

2. Các mẫu biểu bổ trợ liên quan

- a) Mẫu biểu 12: Đăng ký tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- b) Mẫu biểu 13: Thông báo về việc công nhận tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- c) Mẫu biểu 14: Thông báo về việc từ chối đề nghị tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- d) Mẫu biểu 15: Quyết định về việc từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Mẫu biểu 1. Bản khai chung**BẢN KHAI CHUNG
GENERAL DECLARATION**

		<input type="checkbox"/> Đến/Arrival	<input type="checkbox"/> Rời/Departure
Tên và loại tàu: <i>Name and type of ship</i>		Cảng đến/rời <i>Port of arrival/departure</i>	Thời gian đến/rời cảng <i>Date - Time of arrival/departure</i>
Số IMO: <i>IMO number</i>			
Hô hiệu: <i>Call sign</i>			
Quốc tịch tàu <i>Flag State of ship</i>	Tên thuyền trưởng <i>Name of master</i>	Cảng rời cuối cùng/cảng đích: <i>Last port of call/next port of call</i>	
Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng) <i>Certificate of registry (Port, date and number)</i>		Tên và địa chỉ liên lạc của đại lý: <i>Name and contact details of the ship agent</i>	
Tổng dung tích <i>Gross tonnage</i>	Dung tích có ích <i>Net tonnage</i>		
Vị trí tàu tại cảng: <i>Position of the ship in the port (berth or station)</i>			
<p>Đặc điểm chính của chuyến đi (các cảng trước và các cảng sẽ đến, gạch chân các cảng sẽ dỡ hàng) <i>Brief particulars of voyage (previous and subsequent port of call; underline where remaining cargo will be discharged)</i></p>			
<p>MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ HÀNG HOÁ <i>Brief description of the cargo</i></p>			
			

Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) <i>Number of crew (incl. Master)</i>	Số hành khách <i>Number of passenger</i>	Ghi chú: Remarks: - Thuyền viên đi bờ: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> <i>Crews go ashore: Yes No</i> - Vũ khí, vật liệu nổ: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> <i>Arms and explosive materials: Yes No</i> - Người trốn trên tàu: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> <i>Stowaway(s): Yes No</i> - Khác: <i>Others:</i>
Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản) (*) <i>Attached documents (indicate number of copies)</i>		
Bản khai hàng hóa: <i>Cargo Declaration</i>	Bản khai Dự trữ của tàu <i>Ship's Stores Declaration</i>	
Danh sách thuyền viên <i>Crew List</i>	Danh sách hành khách <i>Passenger List</i>	Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải <i>The ship's requirements in terms of waste and residue reception facilities</i>
Bản khai hành lý thuyền viên <i>Crew's Effects Declaration</i>	Bản khai kiểm dịch y tế <i>Health Quarantine Declaration</i>	

....., ngày tháng năm 20.....

Date

THUYỀN TRƯỞNG (ĐẠI LÝ)

Master (or authorized agent)

(Họ tên/ Family name, given name)

(*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng
only on arrival

Mẫu biểu 2. Danh sách thuyền viên**DANH SÁCH THUYỀN VIÊN
CREW LIST**

		Đến <i>Arrival</i>	Rời <i>Departure</i>	Trang số: <i>Page No</i>	
Tên tàu: <i>Name of ship</i>		Cảng đến/rời: <i>Port of arrival/departure</i>		Ngày đến/rời: <i>Date of arrival/departure</i>	
Số IMO: <i>IMO number</i>					
Hô hiệu: <i>Call sign</i>					
Quốc tịch tàu: <i>Flag State of ship</i>			Cảng rời cuối cùng: <i>Last port of call</i>		
STT <i>No</i>	Họ và tên <i>Family name, given name</i>	Chức danh <i>Rank or rating</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Ngày và nơi sinh <i>Date and place of birth</i>	Số Giấy đi lại <i>No. of travel document</i>

....., ngày tháng năm.....

Date

THUYỀN TRƯỞNG (ĐẠI LÝ)*Master (Authorized agent)*(Họ tên/ *Family name, given name*)

Mẫu biểu 3. Danh sách hành khách**DANH SÁCH HÀNH KHÁCH
PASSENGER LIST**

		<input type="checkbox"/> Đến <i>Arrival</i>	<input type="checkbox"/> Rời <i>Departure</i>	Trang số: <i>Page No:</i>			
Tên tàu <i>Name of ship</i>			Cảng đến/rời: <i>Port of arrival/ departure</i>		Ngày đến/rời: <i>Date of arrival/departure</i>		
Số IMO: <i>IMO number</i>							
Hô hiệu: <i>Call sign</i>							
Quốc tịch tàu <i>Flag State of ship</i>							
Họ và tên <i>Family name, given name</i>	Quốc tịch <i>Nationalit y</i>	Ngày và nơi sinh <i>Date and place of birth</i>	Loại Giấy đi lại <i>Type of travel document</i>	Số Giấy đi lại <i>No. of travel document</i>	Cảng lên tàu <i>Port of embarkation</i>	Cảng rời tàu <i>Port of disembarkation</i>	Hành khách quá cảnh hay không <i>Transit passenger or not</i>

....., ngày tháng năm

Date

THUYỀN TRƯỞNG (ĐẠI LÝ)

Master (Authorized agent)

(Họ tên/Family name, given name)

Mẫu biểu 4. Bản khai hàng hóa nguy hiểm

**BẢN KHAI HÀNG HÓA NGUY HIỂM
DANGEROUS GOODS MANIFEST**

Tên tàu:
Name of ship

Số IMO:
IMO number

Quốc tịch tàu:
Flag State of ship

Tên thuyền trưởng:
Master's name

Số chuyến:
Voyage reference

Cảng nhận hàng:
Port of loading

Cảng trả hàng:
Port of discharge

Đại lý tàu biển:
Shipping agent

Hồ hiệu:
Call sign

Số vận đơn <i>Booking/reference number</i>	Ký hiệu và số kiện <i>Marks & numbers container ID. No (s) Vehicle reg. No (s)</i>	Số và loại bao kiện <i>Number and kind of packages</i>	Công ty vận chuyển <i>Proper shipping name</i>	Loại hàng hóa <i>Class</i>	Số UN <i>UN number</i>	Nhóm hàng <i>Packing group</i>	Nhóm phụ số <i>Subsidiary risk (s)</i>	Điểm bốc cháy <i>Flash point (in °C,c.c.)</i>	Ô nhiễm biển <i>Marine pollutant</i>	Tổng khối lượng <i>Mass (kg) gross/net</i>	EmS	Vị trí xếp hàng <i>Stowage position on board</i>

**Đại lý
Agent**

(Họ và tên/Family name, given name)

**Địa điểm, thời gian
Place and date**

Mẫu biểu 5. Bản khai vũ khí và vật liệu nổ

BẢN KHAI VŨ KHÍ VÀ VẬT LIỆU NỔ
DECLARATION OF ARMS AND EXPLOSIVE MATERIALS

Trang số:
Page number

Tên tàu:
Name of ship

Số IMO:
IMO number

Quốc tịch tàu:
Flag State of ship

Hồ hiệu:
Call sign

Tên thuyền trưởng:
Master's name

Đại lý tàu biển:
Shipping agent

Thứ tự <i>Order</i>	Loại vũ khí và vật liệu nổ <i>Kind and description of arm and explosive material</i>	Số lượng <i>Quantity</i>	Tên và số hiệu <i>Mark and number</i>	Nơi cất giữ, bảo quản <i>Stored place</i>

Đại lý:
Agent
(Họ tên/ *Family name, given name*)

Địa điểm, thời gian
Place and date

Mẫu biểu 6. Bản khai người trốn trên tàu**BẢN KHAI NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU
DECLARATION OF STOWAWAY****1. CHI TIẾT VỀ TÀU/SHIP DETAILS**

Tên tàu/*Name of ship*: Đại lý cảng tiếp/*Agent in next port*:
Số IMO/*IMO number*: Địa chỉ đại lý/*Agent address*:
Quốc tịch tàu/*Flag State of ship*: IRCS:
Công ty tàu/*Company*: Số INMARSAT/*INMARSAT number*:
Địa chỉ công ty/*Company address*: Cảng đăng ký/*Port of registry*:
Tên thuyền trưởng/*Name of the Master*:
Đại lý tàu biển/*Shipping agent*:

2. CHI TIẾT VỀ NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU/STOWAWAY DETAILS

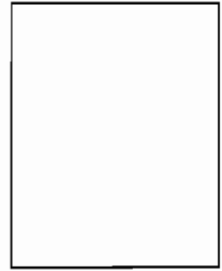
Thời gian phát hiện trên tàu/*Date/time found on board*:
Nơi tìm thấy trên tàu/*Place found on board*:
Quốc gia xảy ra việc trốn lên tàu/*Country of boarding*:
Thời gian xảy ra việc trốn lên tàu/*Date/time of boarding*:
Đích cuối cùng của người trốn trên tàu/*Intended final destination*:
Lời khai lý do trốn trên tàu/*Stated reasons for boarding ship*:
Họ/*Surname*:
Tên/*Given name*:
Tên khác/*Name by which known*:
Giới tính/*Gender*:
Ngày sinh/*Date of birth*:
Nơi sinh/*Place of birth*:
Khai báo về quốc tịch/*Claimed nationality*:
Địa chỉ nhà riêng/*Home address*:
Quốc gia cư trú/*Country of domicile*:
Số-loại giấy tờ /*No of travel document— travel document type, e.g. Passport No*:
Số Chứng minh hoặc Sổ thuyền viên/*ID Card No. or Seaman's book No*:
Nếu có/*If yes*,
Ngày cấp/*Date of issued*:
Nơi cấp/*Place of issued*:
Ngày hết hạn/*Date of expiry*:

Cơ quan cấp/*Issued by:*

Ảnh của người trốn trên tàu/*Photograph of the stowaway:*

Đặc điểm nhận dạng của người trốn trên tàu/

General physical description of the stowaway:



Ngôn ngữ sử dụng chính/*First language:*

Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*

Khả năng đọc/*Read:*

Khả năng viết/*Written:*

Ngôn ngữ khác/*Other languages:*

Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*

Khả năng đọc/*Read:*

Khả năng viết/*Written:*

3. CÁC CHI TIẾT KHÁC/*OTHER DETAILS*

(1) Phương thức trốn lên tàu, bao gồm cả những người liên quan (Vớ dụ: Thủy thủ, công nhân cảng.v.v.) và cả người trốn trong hàng hóa/container hoặc ẩn ở trên tàu/*Method of boarding, including other persons involved (e.g. crew, port workers, etc.), and whether the Stowaway was secreted in cargo/container or hidden in the ship:*

(2) Kiểm kê tài sản người trốn trên tàu/*Inventory of the Stowaway's possessions:*

(3) Tờ khai của người trốn trên tàu/*Statement made by the Stowaway:*

(4) Tờ khai của Thuyền trưởng (bao gồm cả những nhận xét về tính xác thực về những thông tin mà người trốn trên tàu khai)/*Statement made by the Master (including any observations on the credibility of the information provided by the Stowaway).*

Các ngày thực hiện phỏng vấn/*Date(s) of Interview(s):*

THUYỀN TRƯỞNG
MASTER

(Họ tên/ *Family name, given name*)

ĐẠI LÝ
AGENT

(Họ tên/ *Family name, given name*)

Ngày:

Date:

Ngày:

Date:

Mẫu biểu 7. Xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng đối với tàu, thuyền nhập cảnh/quá cảnh/chuyển cảng đến

BAN CHỈ HUY (ĐỒN) BPOCH ..(1).. CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘI THỦ TỤC **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TT-BPOCH

...(2)..., ngày tháng năm 20....

XÁC NHẬN

Hoàn thành thủ tục biên phòng đối với tàu, thuyền nhập cảnh/quá cảnh/chuyển cảng đến

Căn cứ nội dung khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, vào hồi
giờ...ngày.....thángnăm

Của ông (bà):

Chức vụ:Cơ quan:

Đội Thủ tục (đồn) Biên phòng cửa khẩu cảng: xác nhận:

Tàu:

Quốc tịch:

Hồ hiệu:

Tên Thuyền trưởng:Quốc tịch:

Số thuyền viên:Gồm: (bao nhiêu quốc tịch)

Số hành khách:Gồm: (bao nhiêu quốc tịch)

Số lượng hàng hóa:

Loại hàng:

Từ cảng:đi hồi:ngày ...tháng...năm...

Dự kiến đến điểm neo đón, trả hoa tiêu cảng.....

hồi:...ngày.....tháng.....năm.....

Dự kiến vào cập cảng (neo đậu tại): hồi:ngày ...tháng ...năm ..

Đã hoàn thành thủ tục nhập cảnh/quá cảnh/chuyển cảng đến vào hồi: ... ngày
thángnăm

CÁN BỘ THỦ TỤC

Nơi nhận:

- Phòng Pháp chế/CVHH..(3)..(để phối hợp);
- Khoa Kiểm dịch ..(4).. (để phối hợp);
- Đội Thủ tục/HQCK..(5)..(để phối hợp);
- Đại lý ..(6).. (để thực hiện)

(Ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Tên đơn vị BPOCH cảng thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (2) Địa danh;
- (3), (4), (5) Tên các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng;
- (6) Tên đại lý tàu biển khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Mẫu biểu 8. Xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng đối với tàu, thuyền nhập cảnh/quá cảnh/chuyển cảng đến

BAN CHỈ HUY (ĐƠN) BPCCK ..(1)..
ĐỘI THỦ TỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TT-BPCCK

...(2)...., ngày tháng năm 20....

XÁC NHẬN

**Hoàn thành thủ tục biên phòng đối với tàu, thuyền
xuất cảnh/chuyển cảng đi**

Căn cứ nội dung khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, vào hồi
.....giờ.....ngày.....thángnăm

Cửa ông (bà):

Chức vụ:Cơ quan:

Đội Thủ tục (đơn) Biên phòng cửa khẩu cảng: xác nhận:

Tàu:

Quốc tịch:

Hồ hiệu:

Tên Thuyền trưởng:Quốc tịch:

Số thuyền viên:Gồm: (bao nhiêu quốc tịch)

Số hành khách:Gồm: (bao nhiêu quốc tịch)

Số lượng hàng hóa:

Loại hàng:

Dự kiến rời cảng vào hồi....giờ.....ngàytháng.....năm.....

Đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh/chuyển cảng đi vào hồi: ... ngàytháng
....năm

CÁN BỘ THỦ TỤC

Nơi nhận:

- Phòng Pháp chế/CVHH ..(3).. (để phối hợp);
- Khoa Kiểm dịch/TTKDYTQT .. (4).. (để phối hợp);
- Đội Thủ tục/HQCK ..(5)..(để phối hợp);
- Đại lý ..(6)..(để thực hiện)

(Ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Tên đơn vị BPCCK cảng thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (2) Địa danh;
- (3), (4), (5) Tên các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng;
- (6) Tên đại lý tàu biển khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Mẫu biểu 9. Yêu cầu sửa chữa, bổ sung nội dung khai báo thủ tục biên phòng

BAN CHỈ HUY (ĐƠN) BPCCK ..(1)..
ĐỘI THỦ TỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TT-BPCCK

...(2)...., ngày tháng năm 20....

YÊU CẦU**Sửa chữa, bổ sung nội dung khai báo thủ tục biên phòng**

Đội thủ tục Biên phòng cửa khẩu cảng.....
yêu cầu ông (bà):
Chức vụ:
Cơ quan (doanh nghiệp) :.....
là người làm thủ tục cho tàu :
Quốc tịch:Hô hiệu:khai báo bổ sung những
nội dung dưới đây và gửi **Đội thủ tục, Biên phòng cửa khẩu cảng**trước
hỏigiờ.... ngày....tháng ..năm..... để thực hiện thủ tục nhập cảnh (xuất cảnh,
chuyển cảng đi, chuyển cảng đến đến) cho tàu.....

1.
2.
3.
4.
5.

Nơi nhận:

- Đại lý ..(3).. (để thực hiện);
- Lưu: **Đội Thủ tục**

CÁN BỘ THỦ TỤC

(Ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Tên đơn vị BPCCK cảng thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển ;
- (2) Địa danh;
- (3) Tên đại lý tàu biển khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Mẫu biểu 10. Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

TÊN CƠ QUAN
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

...(1)..., ngày tháng năm 20....

ĐỀ NGHỊ

Sửa đổi, bổ sung nội dung khai báo thủ tục biên phòng

Họ và tên:

Chức vụ:

(Tên cơ quan, doanh nghiệp)

Địa chỉ:.....

là người làm thủ tục cho tàu:quốc tịchHộ hiệu

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung khai báo thủ tục biên phòng những nội dung dưới đây:

1.
2.
3.
4.
5.
6.

Lý do đề nghị được sửa đổi, bổ sung nội dung đã khai báo:

...../.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

Nơi nhận:

- Đội thủ tục BPCK cảng..(2)..

- Lưu

(Ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Địa danh;

- (2) Tên đơn vị BPCK cảng thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Mẫu biểu 11. Thông báo từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

BỘ CHỈ HUY BĐBP ..(1)..
BAN CHỈ HUY (ĐỒN) BPCCK..(2)..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-BPCCK

...(3)....., ngày tháng năm 20...

THÔNG BÁO**Từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển**

Thực hiện Quyết định số .../QĐ-BPCCK ngày.....thángnăm ...của Chỉ huy trưởng (Đồn trưởng) BPCCK cảng ...(2)....về việc từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển,

Biên phòng cửa khẩu cảng (2)..... từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử đối với:

Tàu:

Quốc tịch:

Hồ hiệu:

Tên thuyền trưởng:Quốc tịch:

Số thuyền viên:Gồm: ... quốc tịch).

Số hành khách:Gồm: quốc tịch

Số lượng hàng hóa:

Loại hàng:

Dự kiến đến điểm neo đón, trả hoa tiêu cảng/rời cảng
 hồi:...ngày.....tháng.....năm.....

Do làm Đại lý hàng hải, đã khai báo thủ tục biên phòng điện tử vào hồi.....ngày ...tháng ..năm :

Lý do từ chối:

Biện pháp xử lý: *(thực hiện thủ tục tại tàu hoặc yêu cầu đại lý hàng hải nộp, xuất trình hồ sơ, giấy tờ tại BPCCK cảng ..(2)...để làm thủ tục)*

TL. CHỈ HUY TRƯỞNG
(ĐỒN TRƯỞNG)
ĐỘI TRƯỞNG ĐỘI THỦ TỤC

Nơi nhận:

- Cảng vụ ..(4) (để phối hợp);
- Kiểm dịch y tế ..(5).. ((để phối hợp);
- Hải quan cửa khẩu ..(6)..(để phối hợp);
- Đại lý ..(7) (để thực hiện)

(Ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Tên Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh, thành phố có đơn vị cửa khẩu cảng thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (2), Tên đơn vị BPCCK cảng thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (3) Địa danh;
- (4), (5), (6) Tên các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng;
- (7) Tên doanh nghiệp đại lý tàu biển khai báo thủ tục biên phòng điện tử.

**Mẫu biểu 12. Đăng ký tham gia thực hiện thí điểm thủ tục
biên phòng điện tử cảng biển**

TÊN CƠ QUAN
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

...(1)...., ngày tháng năm 20...

ĐĂNG KÝ

Tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

Tên doanh nghiệp:

.....

Địa chỉ:

.....

Điện thoại:Fax:E-mail:

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Số giấy phép đăng ký kinh doanh:Ngày cấp:Cơ quan cấp:

.....

Người chịu trách nhiệm khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển :

- Họ và tên :

- Chức vụ :

- Số CMND/Hộ chiếu :Ngày cấp :Cơ quan cấp :

- Địa chỉ liên hệ :

- Điện thoại : Fax :E-Mail :

Xin được đăng ký tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển tại cửa khẩu cảng :(2)..... và cam kết chấp hành đúng các quy định của Quyết định số 22/2011/QĐ-TTg, ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ Về việc thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, Thông tư số /2011/TT-BQP, ngày tháng năm 2011 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển và các quy định của pháp luật liên quan./.

Nơi nhận:

- BPCK cảng (2)..(để đăng ký);

- Lưu:

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp có từ 02 người đăng ký chịu trách nhiệm khai báo thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, doanh nghiệp lập danh sách đính kèm theo bản đăng ký.

Chú thích:

- (1) Địa danh;

- (2) Tên đơn vị BPCK cảng thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Mẫu biểu 13. Thông báo về việc công nhận được tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

BỘ CHỈ HUY BĐBP ..(1)..
BAN CHỈ HUY (ĐÒN) BPCCK..(2)..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-BPCCK

...(3)....., ngày tháng năm 20...

THÔNG BÁO

**V/v Công nhận tham gia thực hiện thí điểm
thủ tục biên phòng điện tử cảng biển**

Căn cứ Quyết định số 22/2011/QĐ-TTg ngày 15/04/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

Căn cứ Khoản 3, Điều 4 Thông tư số: /2011/TT-BQP, ngày tháng năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Hướng dẫn thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển,

Xét đề nghị của Giám đốc.. (4)... tại văn bản số: ngày tháng năm 2011 về việc đăng ký tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Ban chỉ huy (Đòn) Biên phòng cửa khẩu cảng..(2).. công nhận:

Kể từ ngày tháng năm 2011, ..(4).. được tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử tại cửa khẩu cảng ...(5).....

**CHỈ HUY TRƯỞNG
(ĐÒN TRƯỞNG)**

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Cảng vụ ..(6) (để phối hợp);
- Kiểm dịch y tế ..(7).. ((để phối hợp);
- Hải quan cửa khẩu ..(8)..(để phối hợp);
- ..(9) (để thực hiện)

Chú thích:

- (1) Tên Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh, thành phố có đơn vị cửa khẩu cảng thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (2), Tên đơn vị BPCCK cảng thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (3) Địa danh;
- (4), (9) Tên doanh nghiệp đăng ký tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (5) Tên cửa khẩu cảng;
- (6), (7), (8) Tên các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng;

Mẫu biểu 14. Thông báo về việc từ chối được tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

BỘ CHỈ HUY BĐBP ..(1)..
BAN CHỈ HUY (ĐỒN) BPCCK..(2)..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-BPCCK

...(3)....., ngày tháng năm 20...

THÔNG BÁO

V/v Từ chối đề nghị tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

Căn cứ Quyết định số 22/2011/QĐ-TTg ngày 15/04/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

Căn cứ Khoản 3, Điều 4 Thông tư số: /2011/TT-BQP, ngày tháng năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Hướng dẫn thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển,

Ban chỉ huy (Đồn) Biên phòng cửa khẩu cảng..(2) thông báo:

Từ chối đề nghị tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển của... (4).... tại văn bản số: ngày ...tháng...năm 2011.

Lý do từ chối:.....

.....

CHỈ HUY TRƯỞNG
(ĐỒN TRƯỞNG)

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Cảng vụ ..(6) (để phối hợp);
- Kiểm dịch y tế ..(7).. ((để phối hợp);
- Hải quan cửa khẩu ..(8)..(để phối hợp);
- ..(9) (để thực hiện)

Chú thích:

- (1) Tên Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh, thành phố có đơn vị cửa khẩu cảng thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (2), Tên đơn vị BPCCK cảng thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (3) Địa danh;
- (4),(9) Tên doanh nghiệp đăng ký tham gia thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (6),(7),(8) Tên các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng.

Mẫu biểu 15. Quyết định về việc từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

BỘ CHỈ HUY BDBP...(1).....
BAN CHỈ HUY (ĐỒN) BPCK..(2).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BPCK

...(3)....., ngày tháng năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

Căn cứ Khoản 3, Điều 2, Quyết định số 22/2011/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ Về thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

Căn cứ Khoản ...Điều ...Thông tư số .../TT-BQP ngàytháng ...năm.... Của Bộ Quốc phòng về hướng dẫn thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Chỉ huy trưởng (Đồn trưởng) Biên phòng cửa khẩu cảng,

Xét mức độ, hành vi vi phạm của (tổ chức, cá nhân vi phạm),

Theo đề nghị của Đội trưởng Đội Thủ tục,

Chỉ huy trưởng (Đồn trưởng) Biên phòng cửa khẩu cảng(2).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Biên phòng cửa khẩu cảng ...(2)... không thực hiện thủ tục nhập cảnh (xuất cảnh/chuyển cảng đến,/chuyển cảng đi) bằng phương pháp điện tử đối với tàuquốc tịchHô hiệu:tại cửa khẩu cảng

Điều 2. Thủ tục nhập cảnh (xuất cảnh/chuyển cảng đến/chuyển cảng đi) đối với tàu được Biên phòng cửa khẩu cảng thực hiện trực tiếp tại:

Điều 3. Đội trưởng đội Thủ tục chịu trách nhiệm thông báo cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảngđể phối hợp, ...tên doanh nghiệp Đại lý tàu biển .. (người làm thủ tục) để thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngàythángnăm

CHỈ HUY TRƯỞNG
(ĐỒN TRƯỞNG)

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Đội Thủ tục (để thực hiện);
- Ban Tham mưu-Tổng hợp (Đội Tổng hợp – Đảm bảo);
- Lưu ...